

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án Khu dân cư đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía Đông (quy mô 10,56 ha) của UBND thị xã An Nhơn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 2950/STNMT-CCBVMT ngày 21/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) dự án Khu dân cư đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía Đông của UBND thị xã An Nhơn;

Xét nội dung Báo cáo ĐTM dự án Khu dân cư đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía Đông của UBND thị xã An Nhơn đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 1351/UBND ngày 27/10/2022 của UBND thị xã An Nhơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 917/TTr-STNMT ngày 04/11/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu dân cư đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía Đông (sau đây gọi là Dự án) của UBND thị xã An Nhơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường (đề b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND thị xã An Nhơn;
- UBND phường Nhơn Hưng;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tuấn Thanh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ ĐƯỜNG TÔN THẤT TÙNG NỐI DÀI VỀ PHÍA ĐÔNG
(QUY MÔ 10,56 HA) CỦA UBND THỊ XÃ AN NHƠN
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư đường Tôn Thất Tùng nối dài về phía đông (quy mô 10,56 ha).

- Địa điểm thực hiện: phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định.

- Chủ dự án: UBND thị xã An Nhơn.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Tổng diện tích: 10,56 ha.

- Quy mô: gồm 257 lô đất ở xây dựng nhà liền kề, 63 lô đất tái định cư với quy mô dân số dự kiến khoảng 1.280 người; 01 khu đất thương mại dịch vụ với diện tích sàn 1.824 m², dự kiến phục vụ cho khoảng 100 người; 01 trường mầm non với diện tích 2.172,1 m², quy mô 129 người (bao gồm giáo viên và học sinh).

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án

1.3.1. Các hạng mục công trình chính: san nền, đường giao thông, hệ thống cấp điện và thông tin liên lạc, nước, hệ thống thu gom, thoát nước mưa và nước thải sinh hoạt, diện tích cây xanh khoảng 11.942,5 m².

1.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ: bể tự hoại 5 ngăn tập trung có công suất xử lý 130 m³/ngày.đêm với diện tích xây dựng 520 m²; khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác có diện tích 10 m².

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích khoảng 69.245,4 m².

2. Hạng mục công trình và hoạt động của Dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Hoạt động san lấp mặt bằng: phát sinh bụi, chất thải rắn và khí thải từ các thiết bị thi công; có nguy cơ ô nhiễm nguồn nước mặt của các mương đất nội đồng xung quanh.

- Hoạt động thi công xây dựng: phát sinh nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất; nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; bụi và khí thải từ các thiết bị thi công, nguy cơ hư hỏng tuyến đường trong quá trình vận chuyển nguyên vật liệu.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của Dự án

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Nước thải sinh hoạt của công nhân phát sinh với lưu lượng khoảng 1,44 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh...

- Nước thải xây dựng từ quá trình vệ sinh máy móc, thiết bị thi công phát sinh với lưu lượng khoảng 2 m³/ngày. Thành phần chủ yếu chứa nhiều cặn lơ lửng, đất cát, dầu mỡ từ máy móc, thiết bị.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất trên công trường thi công. Thành phần chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng,...

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng khoảng 113,06 m³/ngày. Tính chất chứa hàm lượng các chất lơ lửng (SS), các hợp chất hữu cơ (BOD, COD) và vi sinh,...

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Bụi từ quá trình đào đắp, san gạt mặt bằng; quá trình vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; quá trình thi công xây dựng; khí thải từ máy móc, thiết bị thi công. Thành phần chủ yếu là bụi, CO_x, NO_x, SO₂, H₂S, VOC,...

b) Giai đoạn hoạt động

Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động của các phương tiện giao thông; khí thải từ hoạt động đun nấu; mùi từ hệ thống thu gom xử lý nước thải, khu tập kết rác thải.

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

3.2.1. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Chất thải rắn từ hoạt động thi công các hạng mục công trình phát sinh với khối lượng khoảng 10,2 - 15,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là bao bì đựng xi măng, xà bần, ni lông,...

- Đất bóc phong hóa hữu cơ phát sinh với khối lượng khoảng 7.339,85 m³. Thành phần chủ yếu là đất, sét, bùn.

- Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân phát sinh với khối lượng khoảng 32 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, bao bì ni lông, vỏ trái cây,...

b) Giai đoạn hoạt động: chất thải rắn sinh hoạt phát sinh với khối lượng khoảng 877 kg/ngày.

3.2.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

Hoạt động thi công dự án, bảo dưỡng, sửa chữa, thay dầu của các phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 80 kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, các loại dầu mỡ thải, dầu động cơ, hộp số,...

b) Giai đoạn hoạt động:

Hoạt động sinh hoạt của người dân tại khu vực dự án phát sinh chất thải nguy hại với khối lượng khoảng 96kg/năm. Thành phần chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang thải, pin, linh kiện điện tử hỏng, bình xịt côn trùng,...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

Hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp; các máy móc, thiết bị thi công như máy đào, máy đầm, máy ủi; hoạt động san lấp mặt bằng, đường giao thông phát sinh tiếng ồn, ảnh hưởng đến công nhân, người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

3.4. Các tác động khác

- Hoạt động thi công các hạng mục công trình và hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, đất đắp ảnh hưởng đến người dân sinh sống lân cận khu vực Dự án và dọc theo tuyến đường vận chuyển.

- Hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất lúa tác động đến hiện trạng đa dạng sinh học tại khu vực dự án; tác động đến sinh kế của người dân.

- Hoạt động tập trung đông công nhân có khả năng làm mất trật tự, an ninh xã hội khu vực dự án.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải, nước mưa chảy tràn

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân bằng các nhà vệ sinh di động nhựa composite được thiết kế phục vụ cho các công trường xây dựng; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom, xử lý.

- Nước mưa chảy tràn lẫn bùn, đất: tạo các mương thoát nước mưa tạm thời để dẫn dòng đảm bảo thoát nước nhanh, không gây ngập úng cục bộ.

- Nước thải xây dựng: được thu gom tái sử dụng cho quá trình xây dựng, phần dư được thu gom lắng chặn trước khi thải ra môi trường.

b) Giai đoạn hoạt động

- Nước mưa chảy tràn: hệ thống thu gom, thoát nước mưa của dự án được thiết kế tự chảy và thoát nước riêng với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

+ Dọc theo các đường nội bộ quy hoạch tuyến cống BTCT D600 - D1200 để thu gom nước mưa.

+ Xây dựng tuyến mương rộng 0,4 m bằng BTCT để thu nước cho khu dân cư hiện trạng bên trong dự án và khu vực bãi đậu xe.

+ Bố trí các tuyến cống vuông: B1000, L = 57 m; các tuyến cống tròn: D600, L = 12 m đầu nối vào các cống tròn: D1200 hiện trạng để hoàn trả tuyến thoát nước nội đồng của khu vực lân cận.

- Nước thải sinh hoạt: được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại của các hộ dân, sau đó được thu gom vào tuyến ống chính bằng ống HDPE-PE100 (loại ống tròn: D300mm) dọc tuyến đường giao thông nội bộ. Nước thải sau khi thu gom được tiếp tục xử lý theo phương án cụ thể như sau:

+ Theo định hướng quy hoạch 1/200, nước thải của dự án được bơm về nhà máy XLNT tại khu vực thôn Tân Dương, xã Nhơn An. Hiện nay, UBND thị xã An Nhơn đang lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đối với dự án xây dựng nhà máy XLNT tập trung, do đó:

Giai đoạn đầu của dự án: xây dựng bể tự hoại 5 ngăn tập trung có công suất 130 m³/ngày.đêm, sau đó xả thải vào kênh S1 thuộc hệ thống kênh Tháp Mão, phía Nam dự án, có tọa độ X = 1.537.542,60, Y = 593.283,26 (theo hệ tọa độ VN2000).

Về lâu dài (Khi nhà máy XLNT tập trung của thị xã An Nhơn tại khu vực thôn Tân Dương, xã Nhơn An được xây dựng): Bể tự hoại 5 ngăn sẽ được chuyển công năng thành trạm bơm để bơm về nhà máy xử lý.

4.1.2. Đối với bụi, khí thải

a) Giai đoạn thi công, xây dựng

- Các xe vận chuyển đất đắp, nguyên vật liệu được phủ bạt, thùng xe kín, không để rơi vãi.

- Thường xuyên thu dọn đất, cát, vật liệu rơi vãi tại khu vực thi công.

- Tại khu vực tập kết nguyên vật liệu: che chắn các bãi tập kết vật liệu, bố trí ở cuối hướng gió và hạn chế chiều cao lưu chứa dưới 2 m.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

b) Giai đoạn hoạt động

- Trãi nhựa tuyến đường nội bộ.

- Bố trí hệ thống cây xanh đảm bảo tổng diện tích cây xanh cho toàn bộ khu vực dự án.

- Thường xuyên quét dọn, làm vệ sinh đường nội bộ.

4.2. Các công trình và biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

a) Giai đoạn thi công

- Đất bóc phong hóa hữu cơ được tận dụng đổ vào diện tích cây xanh của Dự án với khối lượng khoảng 7.339,85 m³.

- Bố trí các thùng thu gom rác sinh hoạt có nắp đậy kín tại lán trại, khu nghỉ ngơi, ăn uống của công nhân. Hợp đồng với đơn vị chức năng thu gom vận chuyển, xử lý chất thải rắn thông thường theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí khu vực tập kết các phương tiện thu gom rác có diện tích 5 m² tại khu vực bãi tự hoại tập trung phía Nam Dự án.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn thi công

Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại tại khu vực lán trại, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

b) Giai đoạn hoạt động

- Bố trí các thùng chứa chất thải nguy hại có thể tích 120 lít, có nắp đậy, có dán nhãn nhận biết theo quy định.

- Quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định hiện hành.

- Quy định áp dụng: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; QCVN 07:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép đối với chất thải nguy hại.

4.3. Các công trình và biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Thường xuyên bảo dưỡng và sửa chữa kịp thời máy móc, thiết bị hư hỏng. Không sử dụng đồng thời nhiều thiết bị phát sinh tiếng ồn lớn.

- Giảm tần suất hoạt động của các thiết bị, phương tiện vận tải vào các giờ nghỉ trưa và ban đêm. Không hoạt động các thiết bị gây tiếng ồn lớn vào thời gian từ 18h00 - 06h00 sáng ngày hôm sau.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4.4. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

4.4.1. Biện pháp giảm thiểu tác động của việc chiếm dụng đất

Phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

4.4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động tới hoạt động giao thông

- Xây dựng phương án tổ chức thi công, phân tuyến, phân luồng giao thông trong quá trình thi công.

- Lắp đặt biển cảnh báo, biển chỉ dẫn và thông báo về hoạt động thi công của dự án để người tham gia giao thông và người dân xung quanh được biết.

4.5. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

4.5.1. Phòng ngừa, giảm thiểu và ứng phó sự cố cháy, nổ

Lập phương án chữa cháy, các biện pháp phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm lửa tại các khu vực dễ gây ra cháy nổ. Thông báo cho cơ quan chức năng và chính quyền địa phương để có biện pháp phối hợp xử lý kịp thời trong trường hợp xảy ra sự cố.

4.5.2. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động

Xây dựng nội quy làm việc tại công trường đặc biệt là biện pháp bảo đảm an toàn thi công trong mùa mưa lũ; tuân thủ tuyệt đối các nội quy về an toàn lao động và thường xuyên kiểm tra công tác bảo hộ lao động tại công trường.

4.5.3. Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng

Thi công hoàn thành các hạng mục đắp đất nền trước mùa mưa; thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước xung quanh công trường thi công đảm bảo không để nước đọng, gây ngập úng.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của Chủ dự án

5.1. Giai đoạn thi công xây dựng

5.1.1. Giám sát môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát:

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực giáp dân cư hiện trạng phía Tây dự án. Tọa độ: X: 1.537.629,54; Y: 573.884,62.

+ 01 mẫu không khí xung quanh tại khu vực giáp với đường Tôn Thất Tùng nổi dài. Tọa độ: X: 1.537.808,34; Y: 574.067,17.

+ 01 mẫu không khí xung quanh ở phía Nam dự án giáp với khu dân cư hiện trạng. Tọa độ: X: 1.537.771,73; Y: 574.216,93.

+ 01 mẫu không khí tại khu chính trang đô thị. Tọa độ: X: 1.537.768,26; Y: 574.081,24.

- Các chỉ tiêu giám sát: bụi, ồn, CO, NO₂, SO₂.

- Tần suất quan trắc: 3 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCVN 27:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung.

5.1.2. Giám sát việc thu gom chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại: khối lượng phát sinh, thành phần phát sinh, quá trình thu gom và lưu giữ.